

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh lần 2, dự án thành phần thuộc dự án
Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu
vùng ven biển, vay vốn ODA của Ngân hàng Thế giới (WB)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về một số chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu; số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về việc quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Hiệp định số 6079-VN ngày 03/8/2018 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam với Ngân hàng hàng Thế giới (WB);

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 1387/QĐ-TTg ngày 23/10/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 1249/QĐ-TTg, ngày 26/10/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) do WB tài trợ;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017 về việc phê duyệt đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 2198/QĐ-BNN-HTQT ngày 13/6/2019 về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số

5996/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2023 về việc điều chỉnh đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 615/QĐ-BNN-KH ngày 28/02/2024 về điều chỉnh Quyết định số 2198/QĐ-BNN-KH ngày 13/6/2019, Quyết định số 2796/QĐ-BNN-KH ngày 12/7/2023 về phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) do WB tài trợ;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 3130/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 về việc phê duyệt Phương án sử dụng và trả nợ vốn vay dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa; số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 về việc phê duyệt dự án thành phần thuộc dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa; số 987/QĐ-UBND, ngày 23/3/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư tổng thể và Kế hoạch hoạt động năm 2020 của dự án thành phần thuộc dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa; số 3217/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 về điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2517/TTr-SKHĐT ngày 19/4/2024; của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình 138/TTr-SNN&PTNT ngày 29/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các Quyết định: Số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019, số 3217/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh thời gian thực hiện tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh, như sau:

"Gia hạn thời gian thực hiện dự án đến năm 2026 (chưa bao gồm thời gian quyết toán dự án hoàn thành theo quy định)".

2. Điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh như sau: Dự án thực hiện trên địa bàn của 17 xã/phường thuộc 5 huyện/thị xã/thành phố (Các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa; thị xã Nghi Sơn và thành phố Sầm Sơn), cụ thể:

- Các xã: Hoằng Phú, Hoằng Yến và Hoằng Châu, huyện Hoằng Hóa.
- Các xã: Nga Tân và Nga Thủy, huyện Nga Sơn.
- Các xã: Minh Lộc, Hải Lộc, Đa Lộc và Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc.
- Các phường: Tân Dân, Hải Lĩnh, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Mai Lâm, Bình Minh và Hải Châu, thị xã Nghi Sơn.

- Phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn.

3. Điều chỉnh điểm 7.2 khoản 7 Điều 1 Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh lại thành:

“ 7.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Tổ chức quản lý hiệu quả nguồn tài nguyên (thông qua các nghiên cứu, đánh giá thực trạng sử dụng các nguồn tài nguyên khu vực ven bờ, xây dựng, chuyển giao kỹ thuật nhận diện một số loài cây lâm nghiệp chính, hỗ trợ trang thiết bị sản xuất giống và định lượng dịch vụ carbon...).

b) Trồng, chăm sóc và quản lý rừng hiệu quả để tăng khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu;

c) Tạo ra các cơ chế (thông qua xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sinh kế và công nghệ...) để khuyến khích hộ gia đình, cộng đồng, doanh nghiệp, hợp tác xã, chính quyền địa phương tham gia quản lý và bảo vệ bền vững nguồn tài nguyên rừng hiện có.”

4. Điều chỉnh nội dung dự án tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 và khoản 1 Điều 1 Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh như sau:

“8.1 Hợp phần 2: Phát triển và phục hồi rừng ven biển

a) Tiểu hợp phần 2.1: Trồng và quản lý rừng phòng hộ ven biển

- Trồng mới và chăm sóc rừng phòng hộ ven biển: 258 ha (Rừng ngập mặn 150 ha, rừng trên cạn 108 ha).

- Trồng phục hồi rừng phòng hộ ven biển: 150,81 ha (Rừng ngập mặn 147,51 ha, rừng trên cạn 3,3 ha).

- Bảo vệ rừng ven biển: 1.608,52ha (Rừng ngập mặn 654,24 ha, rừng trên cạn 954,28 ha).

- Trồng cây phân tán: 15.590 cây.

- Đóng mốc giới các đơn vị chủ rừng phòng hộ ven biển: 200 mốc giới

b) Tiểu hợp phần 2.2: Các giải pháp bảo vệ rừng trồng ven biển

Các công trình phù trợ khác: Công trình nâng cấp tuyến đường từ Trạm bơm Đại Giang qua công Đồng Rơm đi rừng ngập mặn thuộc xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa.

8.2 Hợp phần 3: Tạo lợi ích bền vững từ rừng ven biển

a) Tiểu hợp phần 3.1: Các gói đầu tư tạo ra những lợi ích từ rừng ven biển (sinh kế), gồm 13 mô hình sinh kế tạo thu nhập cho người dân ven biển vùng dự án.

b) Tiểu hợp phần 3.2: Công nghệ và cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất theo yêu cầu:

Đầu tư các gói cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất được lựa chọn: Đầu tư nâng cấp các cơ sở hạ tầng quan trọng phục vụ sản xuất, chế biến và tiếp thị hàng hóa,

dịch vụ từ các khu rừng ven biển trên địa bàn các huyện tham gia dự án nhằm gia tăng lợi ích kinh tế và thiết lập liên kết các hoạt động tạo thu nhập người dân địa phương vùng thực hiện dự án: 07 gói/13 công trình.

5. Điều chỉnh tổng mức đầu tư tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh như sau:

Tổng vốn đầu tư: 8,038 triệu USD tương đương 190,239 tỷ đồng (Tỷ giá 1USD=23.667 đồng theo tỷ giá trong Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh); trong đó:

a) Vốn đối ứng: 2,234 triệu USD (tương đương 52,872 tỷ đồng), trong đó: Ngân sách Trung ương cấp phát: 0,411 triệu USD tương đương 9,728 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh: 1,823 triệu USD tương đương 43,144 tỷ đồng.

b) Vốn vay WB: 5,804 triệu USD tương đương 137,366 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương cấp phát: 5,188 triệu USD tương đương 122,776 tỷ đồng; UBND tỉnh Thanh Hóa vay lại: 0,616 triệu USD tương đương 14,590 tỷ đồng; cụ thể:

TT	Nội dung/hạng mục	Tổng mức đầu tư (1.000 USD)				
		Tổng vốn	Vốn vay WB		Vốn đối ứng	
			Trung ương cấp phát	Tỉnh vay lại	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương
Tổng mức đầu tư		8.038	5.188	616	1.823	411
1	Hợp phần 2: Phát triển và phục hồi rừng ven biển	3.626	3.027	76	112	411
2	Hợp phần 3: Tạo lợi ích bền vững từ rừng ven biển	3.140	2.063	516	561	
3	Hợp phần 4: Quản lý, giám sát và đánh giá dự án	1.272	98	24	1.150	

6. Cơ chế tài chính trong nước.

6.1 Phần vốn vay (không bao gồm chi trả thuế và phí)

a) Đối với Hợp phần 2: Tổng chi phí đầu tư cho Hợp phần 2 là 3,103 triệu USD vốn vay, tương đương 73,431 tỷ đồng (tỷ giá 1USD = 23.667 đồng) trong đó:

- Ngân sách Trung ương cấp phát 100% vốn IDA để đầu tư thực hiện các hoạt động trồng mới, phục hồi rừng thuộc Tiểu Hợp phần 2.1; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy nhiệm chi cho tỉnh Thanh Hóa với kinh phí là 2,722 triệu USD, tương đương 64,414 tỷ đồng.

- Ngân sách địa phương vay lại một phần để chi cho các hoạt động đầu tư (Tư vấn phân định và đóng mốc ranh giới rừng ven biển; Trồng cây phân tán và các giải pháp bảo vệ rừng trồng ven biển thuộc Tiểu Hợp phần 2.2) với kinh phí là 0,381 triệu USD, tương đương 9,016 tỷ đồng). Ngân sách tỉnh Thanh Hóa vay lại một phần vốn vay theo tỷ lệ vay lại 20%;

b) Đối với Hợp phần 3 và 4: Tổng kinh phí vốn IDA là 2,701 triệu USD, tương đương 63,936 tỷ đồng, trong đó:

- Hợp phần 3 là: 2,579 triệu USD, tương đương 61,041 tỷ đồng (áp dụng cơ chế vay lại 20%).

- Hợp phần 4 là: 0,122 triệu USD, tương đương 2,895 tỷ đồng (áp dụng cơ chế vay lại 20%).

Tổng hợp vốn IDA vay lại phân bổ cho tỉnh Thanh Hóa như sau:

Đơn vị tính: 1.000 USD.

TT	Tỉnh	Tổng IDA phân bổ cho tỉnh	Cơ chế cho Hợp phần 2			Hợp phần 3 (Kinh phí thuộc nhiệm chi của NSDP để tính toán vay lại)	Hợp phần 4 (Kinh phí thuộc nhiệm chi của NSDP để tính toán vay lại)	Tổng kinh phí thuộc nhiệm chi của NSDP để tính toán vay lại	Tỷ lệ vay lại	Tổng kinh phí phải vay lại theo tỉnh
			Tổng IDA phân bổ cho tỉnh	Kinh phí thuộc nhiệm vụ chi của NSTW ủy quyền cho tỉnh	Kinh phí thuộc nhiệm chi của NSDP để tính toán vay lại					
1	Thanh Hóa	5.804	3.103	2.722	381	2.579	122	3.082	20%	616

6.2. Phần vốn đối ứng (Bao gồm chi trả thuế và phí):

a) Ngân sách Trung ương cấp phát: 0,411 triệu USD tương đương 9,728 tỷ đồng cho tỉnh Thanh Hóa để thực hiện các nội dung thuộc nhiệm vụ chi của Trung ương bao gồm: (i) Chi thực hiện hoạt động trồng mới và trồng phục hồi rừng; (ii) Chi hoạt động khoán bảo vệ rừng, chăm sóc rừng sau năm 2023.

b) Ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng để thực hiện các nội dung thuộc nhiệm vụ chi của địa phương: 1,823 triệu USD tương đương 43,144 tỷ đồng.

7. Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung tiếp tục thực hiện theo các Quyết định: Số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019; số 3217/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT (chủ dự án thành phần) chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, phù hợp với quy định và tình hình thực tế của các số liệu đã rà soát, cập nhật vào hồ sơ điều chỉnh dự án FMCR thành phần tỉnh Thanh Hóa. Tập trung mọi nguồn lực, chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ, thực hiện hoàn thành dự án sau phê duyệt điều chỉnh, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và các nội dung hiệp định tài trợ đã ký kết; đồng thời quản lý sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, đúng tiến độ, đảm bảo hiệu quả đầu tư và thanh quyết toán kinh phí đầu tư theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Ban quản lý dự án trung ương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ và tài liệu,

số liệu liên quan đến nội dung tham mưu, thẩm định điều chỉnh; thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án FMCR tỉnh Thanh Hóa trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả theo nội dung, tiến độ dự án được phê duyệt theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Giao Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm theo dõi, phối hợp, hướng dẫn để Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án FMCR tỉnh Thanh Hóa triển khai thực hiện dự án đảm bảo đúng tiến độ, nội dung và phù hợp với các quy định về quản lý tài chính, nguồn vốn, sử dụng đất dự án được phê duyệt và các quy định khác của pháp luật liên quan.

4. Giao UBND các huyện: Hoằng Hóa, Hậu Lộc, Nga Sơn; UBND thị xã Nghi Sơn, UBND thành phố Sầm Sơn có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án FMCR tỉnh Thanh Hóa tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trình tự, thủ tục để thực hiện hoàn thành dự án theo đúng quy định của pháp luật; báo cáo kịp thời Chủ tịch UBND tỉnh những vướng mắc, phát sinh và những nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và là bộ phận không tách rời của các Quyết định: Số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019; số 3217/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn; Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ (để thực hiện);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Ban QL các DA Lâm nghiệp-Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, NN.

(MC26.04.24)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang